UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI **SỞ XÂY DỰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 85 /GCN-SXD(GĐCL)	*Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2024*

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 32/2023/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 2302/QĐ-UBND ngày 02/5/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt điều chỉnh quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng Hà Nội trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Xét hồ sơ của Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng giao thông Hồng Linh; Biên bản đánh giá phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 22/7/2024; Biên bản đánh giá (nội dung bổ sung khắc phục các tồn tại) ngày 20/8/2024.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng giao thông Hồng Linh.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy phép đầu tư) số: 0106916339

Đăng ký lần đầu ngày 27/7/2015, đăng ký lần thứ 2 ngày 22/7/2022 do Phòng đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Địa chỉ: Số 26BT1 Bán Đảo Linh Đàm, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0913848618

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm Vật liệu xây dựng và kiểm định chất lượng công trình xây dựng.

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Địa chỉ: Số 8 ngõ 56 phố Định Công Hạ, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội và LK02 khu đô thị Thuận Thành 3, phường Gia Đông, TX Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 24.102**.

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Công ty CP ĐT&XD giao thông Hồng Linh;
- Bộ Xây dựng; (để b/c)
- Đ/c Giám đốc Sở XD;
- Đ/c Nguyễn Thế Công - PGĐ SXD;
- Lưu: VT, GĐCL(ĐC. Hoan, 05b).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Thế Công

DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 24.102

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số /GCN-SXD(GĐCL) ngày tháng năm 2024)

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
I	**Thử nghiệm xi măng**	
1	Xác định độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết, tính ổn định thể tích,	TCVN 6017:2015
II	**Hỗn hợp bê tông và bê tông nặng**	
4	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3106:2022
5	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3108:1993
6	Xác định độ tách nước và tách vữa của hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3109:2022
7	Phân tích thành phần hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3110:1993
8	Xác định hàm lượng bọt khí của bê tông	TCVN 3111:2022
9	Xác định khối lượng riêng của bê tông nặng	TCVN 3112:2022
10	Xác định độ hút nước của bê tông	TCVN 3113:2022
11	Xác định khối lượng thể tích của bê tông	TCVN 3115:2022
12	Xác định độ chống thấm nước của bê tông	TCVN 3116:2022
13	Xác định độ co ngót của bê tông	TCVN 3117:2022
14	Xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 3118:2022
15	Xác định cường độ kéo khi uốn	TCVN 3119:2022
16	Xác định cường độ kéo khi bửa	TCVN 3120:2022
17	Xác định cường độ lăng trụ và modun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:2022
18	Xác định nhiệt độ hỗn hợp bê tông	TCVN 9340:2012
19	Xác định độ chảy lan của bê tông tự chèn	TCVN 12209:2018

III	**Thử nghiệm cơ lý vữa xây dựng**	
20	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022
21	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022
22	Xác định khả năng giữ nước của vữa tươi	TCVN 3121-8:2022
23	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:2022
24	Xác định Khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2022
25	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:2022
26	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:2022
IV	**Thử nghiệm cốt liệu cho hỗn hợp bê tông và vữa**	
27	Xác định thành phần cỡ hạt của cốt liệu mịn và thô	TCVN 7572-2:2006
28	Xác định hàm lượng hạt nhỏ 0.075mm bằng pp sàng rửa	AASHTO T11 ASTM C117
29	Xác định KL riêng, khối lượng thể tích, độ hút nước	TCVN 7572-4:2006
30	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006
31	Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hổng	TCVN 7572-6:2006
32	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006
33	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006
34	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572- 9:2006
35	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10 :2006
36	Xác định độ nén dập trong xi lanh và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006
37	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006
38	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006

39	Xác định lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006
40	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:2006
VI	**Thử nghiệm cơ lý đất trong phòng**	
41	Xác định khối lượng riêng	TCVN 4195:2012
42	Xác định độ ẩm và hút ẩm	TCVN 4196:2012
43	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy	TCVN 4197:2012
44	Xác định các thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014
45	Xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201:2012
46	Xác định khối lượng thể tích trong phòng thí nghiệm	TCVN 4202:2012
47	Xác định tỉ số CBR trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020
48	Xác định hàm lượng chất hữu cơ của đất	TCVN 8726:2012
49	Xác định KLTT khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời	TCVN 8721:2012
50	XĐ tổng hàm lượng và tổng hàm lượng các ion thành phần muối hoà tan trong đất	TCVN 8727:2012
VII	**Thử nghiệm vật liệu kim loại và liên kết hàn.**	
51	Kim loại – phương pháp Thử kéo	TCVN 197:2014
52	Kim loại – phương pháp Thử uốn	TCVN 198:2008
53	Thử phá hủy mối hàn- Thử uốn	TCVN 5401:2010
54	Thử phá hủy mối hàn- Thử va đập	TCVN 5402:2010
55	Thử phá hủy mối hàn- Thử kéo dọc	TCVN 8311:2010
56	Kiểm tra không phá hủy mối hàn- PP siêu âm (UT)	TCVN 6735: 2018
57	Kiểm tra không phá hủy mối hàn- PP thẩm thấu (PT)	TCVN 4617: 2018
58	Kiểm tra không phá hủy mối hàn- PP bột từ(MT)	TCVN 4396:2018
59	Cốt thép- Phương pháp uốn và uốn lại	TCVN 6287:1997

60	Kiểm tra chất lượng ống thép-thử nén bẹp	TCVN 1830:2008
61	Thử kéo bu lông	TCVN 1916:1995
62	Thí nghiệm neo (Kiểm tra kích thước hình học, độ tụt neo và hiệu xuất neo)	22 TCN 267:2000
63	Thử thép cốt bê tông-Mối nối bằng ống Ren (Nối Coupler)	TCVN 13711-2:2023
64	Xác định chiều dày lớp phủ từ tính và không từ tính trên nền từ tính và không từ tính	TCVN 5408:2007 TCVN 2095:1993
VIII	**Thí nghiệm bê tông nhựa**	
65	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011
66	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:2011
67	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011
68	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011
69	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011
70	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011
71	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
72	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011
73	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
74	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
75	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
76	Xác định cường độ kéo khi ép chẻ	TCVN 8862:2011
IX	**Thí nghiệm nhựa đường / nhựa đường lỏng**	
77	- Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005
78	- Xác định điểm hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005
79	- Xác định khối lượng riêng (Phương pháp Pycnometer)	TCVN 7501:2005
80	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:2005
X	**Thử nghiệm nhũ tương axit**	
81	Xác định độ lắng và ổn định lưu trữ trong 24h	TCVN 8817-3:2011

82	Xác định hàm lượng hạt quá cỡ	TCVN 8817-4:2011
XI	**Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của Gạch xây:**	
83	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009
84	Xác định độ bền nén của gạch xây	TCVN 6355-2:2009
85	Xác định cường độ uốn của gạch xây	TCVN 6355-3:2009
86	Xác định độ hút nước của gạch xây	TCVN 6355-4:2009
87	Xác định khối lượng thể tích của gạch xây	TCVN 6355-5:2009
88	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6: 2009
89	Phép thử gạch Terazo - Xác định: kích thước và khuyết tật ngoại quan, cường độ uốn, độ hút nước, độ mài mòn	TCVN 7744:2013
90	Gạch xi măng lát nền - Xác định: kích thước và khuyết tật ngoại quan, độ mài mòn, độ hút nước, tải trọng uốn gẫy toàn viên, độ cứng lớp mặt	TCVN 6065:1995
91	Bê tông nhẹ - Xác định: kích thước và khuyết tật hình dạng, cường độ chịu nén, khối lượng thể tích khô, độ hút nước	TCVN 9030:2017
92	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của Bentonite: Xác định khối lượng riêng, độ nhớt, hàm lượng cát, độ pH;	TCVN 11893:2017
XIII	**Thử nghiệm dây cáp điện, dây điện và phụ kiện**	
93	Xác định đường kính, tiết diện sợi đồng; Xác định chiều dày lớp cách điện, chiều dày vỏ bọc; Thử kéo, xác định đường kính ruột dẫn, đường kính dây	TCVN 6612:2007 TCVN 7305:2008
XIV	**Thử nghiệm ống nhựa**	
94	Kiểm tra kích thước – độ dày	TCVN 6145: 2007
95	Xác định độ bền kéo và độ dãn dài	TCVN 7434:2004

XV	**Thí nghiệm hiện trường**	
96	Xác định khối lượng thể tích của đất tại hiện trường bằng phương pháp dao đai	TCVN 12791:2020
97	Xác định khối lượng thể tích của đất tại hiện trường bằng phương pháp rót cát	22 TCN 346:2006
98	Xác định độ bằng phẳng bằng thước 3 m	TCVN 8864: 2011
99	Xác định modul đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp tấm ép cưng	TCVN 8861: 2011
100	Xác định modun đàn hồi theo độ võng đàn hồi dưới bánh xe bằng cần Benkelman	TCVN 8867: 2011
101	Cọc-PP thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012
102	XĐ sức chịu tải của cọc bằng tải trọng ngang	ASTM D3966
103	XĐ sức chịu tải của cọc bằng PP kéo nhổ tĩnh cọc	ASTM D3689
104	Cọc- kiểm tra sức chịu tải bằng phương pháp biến dạng nhỏ (PIT)	TCVN 9397:2012
105	Cọc- kiểm tra sức chịu tải bằng phương pháp biến dạng lớn (PDA)	TCVN 11321:2016
106	Kiểm tra cọc bê tông ứng lực trước: Kích thước, ngoại quan, Mô men uốn nứt, uốn gãy tới hạn; Mô men uốn của mối nối; thử uốn dưới lực nén dọc trục; khả năng chịu cắt.	TCVN 7888:2014
107	Thử nghiệm cơ lý cống thoát nước bê tông cốt thép-cống tròn và cống hộp, Thử thấm, khuyết tật ngoại quan và thử tải.	TCVN 9113:2012 TCVN 9116:2012
108	Thí nghiệm kéo nhổ neo (thép, bu lông)	TCVN 9490:2012
109	Thử tải cột điện bê tông cốt thép ly tâm	TCVN 5847:2016

110	Lớp phủ mạ kẽm nóng – Phương pháp thử. Cần XĐ lại tên phép thử	TCVN 5408:2007

Ghi chú (*): Các chỉ tiêu kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.